

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 12/5/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trang.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14/3/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1403/2022/QĐ-PT ngày 14/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ: 44 Đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 56/1 N, Phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Bùi Xuân Q, sinh năm 1976. (có mặt)

Địa chỉ: 106/32 Đường M, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai Nguyên đơn – Bà Trần Thị Tuyết T trình bày:

Bà và ông Bùi Xuân Q chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, cấp ngày 23/7/2007 của Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng bà thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã và bất hòa trong cuộc sống mà không thể nào giải quyết được. Vợ chồng không thể nói chuyện với nhau, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay, nhưng không hàn gắn tình cảm được.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Bùi Xuân Q .

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Trần Bảo H sinh ngày 19/5/2013, Bùi Trần Gia H1 sinh ngày 30/5/2015, bà T nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Bùi Xuân Q trình bày:*

Ông và bà Trần Thị Tuyết T chung sống với nhau từ 2007, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, cấp ngày 23/7/2007 của Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bà T có tình cảm với người khác. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 đến nay.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Xuân Q không đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Tuyết T vì hai con nhỏ, bà T không có việc làm, không nuôi nổi bản thân thì không lo cho con cái được, cách nghĩ và tinh thần của bà T không ổn định. Trong trường hợp bà T giao 02 con chung cho ông nuôi thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Trần Bảo H sinh ngày 19/5/2013, Bùi Trần Gia H1 sinh ngày 30/5/2015, ông Q yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Tuyết T đối với ông Bùi Xuân Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 118, cấp ngày 23/7/2007 của Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị Tuyết T và ông Bùi Xuân Q không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Bùi Trần Bảo H sinh ngày 19/5/2013, Bùi Trần Gia H1 sinh ngày 30/5/2015.

Giao 02 (hai) con chung tên Bùi Trần Bảo H, Bùi Trần Gia H1 cho bà Trần Thị Tuyết T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Tuyết T về việc không yêu cầu ông Bùi Xuân Q cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông Q thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà T và ông Q thống nhất không có.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo.

Ngày 19/01/2022, bị đơn ông Bùi Xuân Q kháng cáo đối với Bản án số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao cho ông quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Trần Gia H1, sinh ngày 30/5/2015 và không yêu cầu bà Trần Thị Tuyết T cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* *Nguyên đơn – bà Trần Thị Tuyết T trình bày:* Bà đủ điều kiện để nuôi cả hai con, và hiện hai trẻ đang ở cùng nhau rất tốt. Nhà bà và các con đang ở được ngăn ra thành 2 phần, 1 phần để ở và 1 phần để cho thuê, khu vực ở rất an ninh vì luôn có camera giám sát và Cảnh sát khu vực thường xuyên kiểm tra.

* *Bị đơn ông Bùi Xuân Q trình bày:* Ông đủ điều kiện để nuôi con, ông không đồng ý giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng vì bà T và các con đang khu nhà trọ, nhà trọ thì phức tạp; bên cạnh đó môi trường sống ở Đ không bằng Thành phố Hồ Chí Minh.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Kháng cáo của ông Bùi Xuân Q làm đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung kháng cáo: Sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở các quy định của pháp luật, xét thấy cấp sơ thẩm giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Xuân Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Bùi Xuân Q đề ngày 19/01/2022 làm trong thời hạn luật định.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Về quan hệ con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số 125/2013, quyền I/2013 do Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 20/6/2013 và bản sao Giấy khai sinh số 129/2015, quyền số I/2015 do Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 20/6/2013 thì ông Bùi Xuân Q và bà Trần Thị Tuyết T có 02 (hai) con chung tên Bùi Trần Bảo H sinh ngày 19/5/2013, Bùi Trần Gia H1 sinh ngày 30/5/2015.

Xét thấy, khi vợ chồng bà T, ông Q xảy ra mâu thuẫn thì bà T đưa hai con về nhà ngoại tại Đ, tỉnh Lâm Đồng từ khoảng tháng 5/2021 đến nay, suốt thời gian đó bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và trẻ Bùi Trần Bảo H cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao con cho bà T trực tiếp nuôi là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của bà T và ông Q đều xuất phát từ tình thương và trách nhiệm đối với con. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp thể hiện bà T và ông Q đều có đủ điều kiện nuôi con như: chỗ ở, thu nhập ổn định, thời gian dành cho con... Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh bà T nuôi con không tốt hoặc không đủ điều kiện để nuôi con. Ông cũng xác nhận từ tháng 6/2021 đến nay ông vẫn chưa được gặp con, phần do dịch, phần do lên thăm con đột xuất bà T dẫn con đi chơi nên không

được gặp con; một khoảng thời gian dài chưa được gặp con, không nắm bắt được thói quen sở thích của trẻ.

Hiện các con đang ở với mẹ, sinh sống học tập ổn định tại Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; do đó để tránh xáo trộn tâm sinh lý của trẻ cũng như ổn định chỗ ở, môi trường học tập sinh sống nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Quân, giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao hai trẻ Bùi Trần Bảo H và Bùi Trần Gia H1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng .Ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí sơ thẩm.
- Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên ông Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Tuyết T đối với ông Bùi Xuân Q .

Giấy chứng nhận kết hôn số 118, cấp ngày 23/7/2007 của Ủy ban nhân dân phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Trần Thị Tuyết T

và ông Bùi Xuân Q không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Bùi Trần Bảo H sinh ngày 19/5/2013, Bùi Trần Gia H1 sinh ngày 30/5/2015.

Giao 02 (hai) con chung tên Bùi Trần Bảo H, Bùi Trần Gia H1 cho bà Trần Thị Tuyết T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Tuyết T về việc không yêu cầu ông Bùi Xuân Q cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông Q thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà T và ông Q thống nhất không có.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Tuyết T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0063772 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Tuyết T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Xuân Q phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0033287 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Bùi Xuân Q đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND Q. B;
- VKSND Q. B;
- Chi Cục THADS Q. B;
- Các đương sự;
- Lưu: TGD, hồ sơ, (25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Trang